TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2022
V/v: Ly hôn giữa chị L và anh M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Bà Nguyễn Hải Anh

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn M, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Mẫn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2013, chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Ngô Văn M quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10-5-2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị L và anh M đã sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Ngô Văn M có 01 con chung tên Ngô Nhật H, sinh ngày 29-5-2010. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn M trình bày tại bản tự khai: Anh M thống nhất với chị L về hôn nhân cũng như về con chung; về tài sản chung và nợ chung không có là đúng. Nay chị L xin ly hôn, anh M cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh M đồng ý giao con chung tên Ngô Nhật H, sinh ngày 29-5-2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh M có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Ngô Văn M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Ngô Văn M chung sống với nhau vào năm 2013 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10-5-2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc L:* Vợ chồng chị L và anh M không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị L tại Toà án: Chị L và anh M có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau, chị L và anh M đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Toà án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Vì vậy, yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh M là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị L và anh M có 01 con chung tên Ngô Nhật H, sinh ngày 29-5-2010, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con vì chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế nuôi con được.

Xét thấy, từ thời gian chị L và anh M sống ly thân cho đến nay, cháu H vẫn do một mình chị L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Bên cạnh đó, anh M cũng có ý kiến đồng ý giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị L được tiếp tục nuôi cháu H. Chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L và anh M đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị L là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Ngô Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Nhật H, sinh ngày 29-5-2010 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Ngô Văn M cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Ngô Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Ngô Văn M đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng nhưng chị L được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001209 ngày 06-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị L không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Văn M vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Xuân